

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Thùy
2. Bà Bé Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Nông Thị L - sinh năm 1994;

HKTT: Xóm 8, xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Số 31 G, phường V.N TP N.T Tỉnh K Hòa . Có mặt

- *Bị đơn:* Đoàn Trọng D - sinh năm 1992

HKTT: Xóm 8, xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại đội 5, phân trại số 1, trại giam P.S 4, xã C. L, huyện P.L, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt có đơn trình bày lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nông Thị L trình bày: Chị và anh Đoàn Trọng D đăng ký kết hôn ngày 18/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn

nhân do tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, chị L lao động tự do ở Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù chung thân. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 khi anh D đi chấp hành án đến nay. Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn An K - sinh ngày 08/5/2015 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu đang sống với chị Lan và ông bà nội tại xóm 8, xã V.Q, thành phố Cao Bằng. Khi ly hôn, chị L đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của trại giam P.S 4 anh Duy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D trình bày thống nhất với chị Lan về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn năm 2019 do anh D bị bắt vì vi phạm pháp luật. Chị L có vài lần thăm gặp anh Duy ở trại giam, do anh D chấp hành án chung thân nên hai vợ chồng tình cảm không còn, nay anh D nhất trí ly hôn với chị Nông Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn An K, sinh ngày 08/5/2015, hiện nay đang sống với ông bà nội tại xóm 8, xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về tài sản chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2023, cháu Đoàn An K cho biết hiện nay cháu đang sống với mẹ và ông bà nội tại xóm 8, xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, nguyện vọng của cháu là sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì mẹ là người chăm sóc, dạy bảo cháu.

Tại phiên tòa, bị đơn Đoàn Trọng D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến thay đổi nội dung lời khai trong hồ sơ trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị L. Hội đồng xét xử đã công khai các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ. Chị L không có ý kiến khác, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày hiện nay chị đi làm tại Thành phố N.T, tỉnh K Hòa, thu nhập 6.500.000đ/tháng, hàng tháng gửi về cho bố mẹ chồng 3.000.000đ /tháng để nuôi con, cháu An K học trường tiểu học V.Q Thành phố Cao Bằng. Nếu sau này ông bà không chăm sóc được chị sẽ đem con theo vào nơi chị làm việc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm. Do anh Duy không thể có mặt tại phiên tòa nên việc thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt anh Duy là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D không còn tình cảm do anh D đi chấp hành án phạt tù chung thân nên mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị L.

Việc nuôi con chung: Do anh D không có điều kiện nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn giao con chung Đoàn An K cho chị Nông Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn Nông Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện cầu nguyên đơn Nông Thị L là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Trọng D có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam P.S 4, tỉnh Thái Nguyên. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án thu thập chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Đoàn Trọng D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V.Q, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì anh D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” phải đi chấp hành án phạt tù chung thân theo quyết định của Bản án số 09/2020/HSST ngày 09/3/2020

của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng anh chị đã không sống cùng nhau từ năm 2019, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh D cũng nhất trí ly hôn chị L.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D chỉ tồn tại trên danh nghĩa, không có điều kiện để chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; thuộc trường hợp không có khả năng và điều kiện để hàn gắn tình trạng hôn nhân. Do hôn nhân của chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chị L khởi kiện để ly hôn anh D và yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có con chung là cháu Đoàn An K - sinh ngày 08/5/2015 (giới tính: Nam) đang sống với bố mẹ anh Duy, chị Lan đi làm xa nhưng có chu cấp 3.000.000đ/tháng.

Hiện nay anh Duy đang chấp hành án phạt tù chung thân nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, tại bản tự khai ngày 23/3/2023 anh có ý kiến giao con chung cho bố mẹ anh nuôi dưỡng nhưng cũng mong tòa án xử theo quy định của pháp luật.

Xét thấy chị L có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc gần gũi, đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu An K. Quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, cháu Đoàn An K có nguyện vọng chung sống với mẹ. Cần chấp nhận ý kiến của chị Lan và sự lựa chọn của con chung, giao cháu Đoàn An K cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh D không có điều kiện cấp dưỡng, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi chị L và anh D có yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị L và anh D đều xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị L. Chị Nông Thị L được ly hôn anh Đoàn Trọng D.

2- Về con chung: Giao con chung cháu Đoàn An K - sinh ngày 08/5/2015 (giới tính: Nam) cho chị Nông Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lan không yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con và sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Về án phí: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Xác nhận chị Lan đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003337 ngày 03/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và được đối trừ khi thi hành án.

5- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp